

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0173020 - Đồ án Thi công Đường ô-tô
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Việt	Tài	3371010411	29/10/1990		6,00	6,00	
2	Trần Tiến	Bảo	3471010022	15/10/1992		5,00	5,00	
3	Lê Huy	Hùng	3471010144	04/04/1991		5,00	5,00	
4	Vũ Tuấn Anh	Liêm	3471010182	16/08/1992		5,00	5,00	
5	Lê Trọng	Nghĩa	3471010221	01/06/1992		5,00	5,00	
6	Vô Anh	Tùng	3471010381	11/12/1992		5,00	5,00	
7	Lê Kim Thành	Tú	3471010384	22/02/1992		5,00	5,00	
8	Trần Văn	Tường	3471010388	10/06/1992		5,00	5,00	
9	Võ Thiện	Vinh	3471010398	19/03/1990		5,00	5,00	
10	Nguyễn Thành	Duy	3571010001	10/09/1993		6,00	6,00	
11	Nguyễn Văn	Phôn	3571010003	10/04/1993		4,00	4,00	
12	Nguyễn Thanh	Hải	3571010010	23/03/1993		,00	,00	
13	Nguyễn Tuấn	Huy	3571010016	04/01/1992		7,00	7,00	
14	Nguyễn Mạnh	Hùng	3571010019	24/04/1993		8,00	8,00	
15	Trần Nguyễn	Nghĩa	3571010020	20/04/1993		7,00	7,00	
16	Nguyễn Đình	Chánh	3571010021	10/05/1993		7,00	7,00	
17	Lê Khắc	Hoàng	3571010025	04/12/1993		4,00	4,00	
18	Nguyễn Thanh	Hùng	3571010031	07/06/1993		7,00	7,00	
19	Dương Minh	Hảo	3571010042	19/02/1992		4,00	4,00	Nợ HP
20	Phan Thế	Phong	3571010044	18/04/1993		5,00	5,00	
21	Nguyễn Văn	Đức	3571010088	02/09/1991		7,00	7,00	
22	Trần Lữ	Phát	3571010111	10/03/1993		,00	,00	Nợ HP
23	Phạm Thị	Yến	3571010133	04/10/1993		8,00	8,00	
24	Phan Từ	Nhân	3571010209	24/02/1993		,00	,00	Nợ HP
25	Lê Ngọc	Vũ	3571010211	18/11/1993		,00	,00	
26	Trần Công	Thích	3571010212	03/08/1993		5,00	5,00	
27	Nguyễn Trọng	Dương	3571010213	09/05/1992		8,00	8,00	
28	Phan Quốc	Cường	3571010214	01/02/1993		7,00	7,00	
29	Trần Đức	Thới	3571010215	20/01/1992		7,00	7,00	
30	Nguyễn Văn	Phượng	3571010217	19/01/1993		7,00	7,00	
31	Trần Anh	Khoa	3571010218	09/08/1993		6,00	6,00	
32	Nguyễn Hữu Tường	Lâm	3571010219	15/06/1993		5,00	5,00	
33	Lê Xuân	Long	3571010220	02/09/1991		7,00	7,00	
34	Phạm Xuân	Đông	3571010221	06/01/1993		5,00	5,00	
35	Lê Tất	Sương	3571010222	12/05/1993		,00	,00	Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Trí	Nam	3571010224	12/06/1993		4,00	4,00	
37	Ngô Minh	Tân	3571010225	21/10/1993		5,00	5,00	
38	Ngô Tiến	Điệp	3571010228	26/03/1993		4,00	4,00	
39	Nguyễn Phúc Lâm	Viên	3571010229	31/01/1993		,00	,00	
40	Lê Tấn	Phuong	3571010230	17/10/1992		,00	,00	
41	Nguyễn Thị Đồng	Thuận	3571010233	01/06/1993		8,00	8,00	
42	Trần Quang	Tân	3571010234	07/12/1993		7,00	7,00	
43	Trương Minh	Vương	3571010235	02/12/1993		7,00	7,00	
44	Phạm Tấn	Thịnh	3571010237	20/10/1993		6,00	6,00	
45	Phạm Văn	Đức	3571010238	24/01/1992		7,00	7,00	
46	Võ Chiến	Thắng	3571010239	01/08/1993		5,00	5,00	
47	Nguyễn Huy	Hải	3571010251	28/07/1993		4,00	4,00	Nợ HP
48	Nguyễn Ngọc	Khương	3571010252	09/01/1992		5,00	5,00	
49	Trần Hoàng	Thiện	3571010254	01/12/1992		,00	,00	
50	Trần Thanh	Tùng	3571010255	11/01/1993		,00	,00	
51	Phùng Thị Kim	Chi	3571010257	17/09/1993		8,00	8,00	Nợ HP
52	Phan Văn	Tuệ	3571010275	24/04/1993		4,00	4,00	
53	Phùng Văn	Đạt	3571010587	19/09/1993		5,00	5,00	Nợ HP
54	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3571010610	11/11/1993		8,00	8,00	
55	Nguyễn Hồng	Sơn	3571010643	02/10/1993		5,00	5,00	Nợ HP
56	Vũ	Hoàng	3571010644	20/09/1993		4,00	4,00	
57	Nguyễn Ngọc	Nhật	3571010645	21/09/1993		7,00	7,00	
58	Trần Trung	Nhứt	3571010647	20/10/1993		6,00	6,00	
59	Nguyễn Văn	Chiến	3571010650	25/01/1991		6,00	6,00	
60	Nguyễn	Hưng	3571010651	25/05/1993		5,00	5,00	
61	Lê Việt	Dũng	3571010654	17/07/1992		7,00	7,00	
62	Nguyễn Hoàng Vũ	Kha	3571010656	31/08/1993		7,00	7,00	
63	Trần Văn	Tân	3571010657	08/08/1993		4,00	4,00	Nợ HP
64	Lê Minh	Vương	3571010659	10/04/1992		8,00	8,00	
65	Bùi Thanh	Văn	3571010660	15/01/1993		7,00	7,00	
66	Hồ Quốc	Phuong	3571010668	20/09/1993		6,00	6,00	
67	Dư Thanh	Kha	3571010680	20/01/1993		5,00	5,00	
68	Đoàn Hữu	Hiệp	3571010682	18/07/1993		5,00	5,00	
69	Lê Tấn	Đạt	3571010687	03/03/1993		7,00	7,00	
70	Nguyễn Khánh	Bình	3571010690	08/12/1993		7,00	7,00	
71	Phạm Minh	Tân	3571010738	27/07/1993		8,00	8,00	
72	Lê Đắc	Cường	3571010741	27/07/1992		7,00	7,00	
73	Lê Ngọc	Vương	3571010746	20/12/1993		7,00	7,00	
74	Đào Phú	Hiệp	3571010748	11/03/1993		,00	,00	
75	Trần Hồ Trọng	Kha	3571010750	01/10/1993		5,00	5,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lê Xuân	Nguyên	3571010751	12/11/1993		,00	,00	
77	Lê Hoài	Nam	3571010754	07/04/1993		8,00	8,00	
78	Đỗ Thanh	Việt	3571010757	20/01/1992		5,00	5,00	
79	Nguyễn Tấn	Tài	3571010758	01/09/1993		4,00	4,00	
80	Phạm Tấn	Lộc	3571010762	28/06/1993		6,00	6,00	
81	Kiều Thiết	Tường	3571010766	14/10/1993		,00	,00	
82	Nguyễn Minh	Cảnh	3571010767	06/11/1993		7,00	7,00	
83	Nguyễn Văn	Hoàng	3571010769	06/11/1993		4,00	4,00	
84	Nguyễn Phước	Hùng	3571010773	29/12/1993		,00	,00	
85	Đặng Phú	Hạnh	3571010775	09/12/1992		8,00	8,00	
86	Lê Hồng	Cương	3571010779	29/03/1992		7,00	7,00	
87	Đỗ Tiến	Thành	3571010781	16/04/1992		6,00	6,00	
88	Phạm Việt	Đức	3571010783	24/08/1993		4,00	4,00	
89	Nguyễn Ngọc	Quân	3571010785	14/04/1993		,00	,00	
90	Nguyễn Hữu	Hưng	3571010788	29/06/1993		,00	,00	Nợ HP
91	Trần Mạnh	Thắng	3571010789	08/12/1992		,00	,00	Nợ HP
92	Dương Thành	Tâm	3571010793	18/11/1993		8,00	8,00	
93	Lê Xuân	Thành	3571011158	30/04/1992		6,00	6,00	
94	Vũ Đức	Đạo	3571011174	19/06/1993		4,00	4,00	
95	Nguyễn Tiến	Hùng	3571011817	01/01/1993		7,00	7,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)